

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẾN CÁT
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **64/2024/HNGĐ-ST**
Ngày: 17 – 7 – 2024
V/v: “Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Kim Lý
- Bà Nguyễn Thị Thắm

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Hương Giang – Thư ký Tòa án nhân dân
Thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Bến Cát, tỉnh Bình
Dương tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Bến
Cát, tỉnh Bình Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 422/2024/TLST-
HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2024 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”,
theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 227/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 27
tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm: 1996; địa chỉ thường trú: Tổ
4, khu phố 1, phường T, Thành phố B, tỉnh Bình Dương; địa chỉ liên hệ: Số nhà
200/2 Nguyễn Hữu T, phường T, quận T, thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Anh Bùi Mạnh D, sinh năm: 1990; địa chỉ: Tổ 4, khu phố 1,
phường T, Thành phố B, tỉnh Bình Dương.

(chị Huyền, anh Dũng vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 08/4/2024, Bản tự khai đề ngày 19/6/2024,
nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Về hôn nhân: Chị H và anh D tự nguyện kết hôn, được Ủy ban nhân dân phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương cấp giấy chứng nhận kết hôn, theo giấy chứng nhận kết hôn số 27, ngày 29/8/2017. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc. Mâu thuẫn phát sinh từ năm 2021 nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống. Anh D không chuyên tâm lo cho gia đình, vợ chồng thường xuyên cãi vã, xúc phạm nhau. Mặc dù đã nhiều lần hòa giải nhưng mâu thuẫn vợ chồng không giải quyết được. Do mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên chị H về quê tại xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An sinh sống đến nay. Thời gian không chung sống, hai bên gia đình đã hòa giải cho vợ chồng nhưng do chị H không còn tình cảm vợ chồng với anh D nên không đồng ý đoàn tụ. Nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn, chị H yêu cầu được ly hôn với anh Bùi Mạnh D.

Về con chung: Chị H và anh D có hai con chung là Bùi Bảo N, sinh ngày: 15/5/2018 và Bùi Khánh M, sinh ngày: 28/6/2021. Hiện cháu M đang sống với chị H, cháu Ngọc sống cùng anh D. Khi ly hôn, chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung, không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung, nợ riêng: Vợ chồng không có nợ chung, nợ riêng.

Theo bản tự khai ngày 26/6/2024, bị đơn anh Bùi Mạnh D trình bày:

Về hôn nhân: Anh D thừa nhận vợ chồng xác lập quan hệ hôn nhân tự nguyện, đúng quy định pháp luật và được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định. Về mâu thuẫn vợ chồng, theo anh D thời gian chung sống, anh thiếu quan tâm đến vợ con nên chị H bức xúc. Ngoài ra theo anh D, giữa chị H và cha mẹ chồng xảy ra nhiều hiểu lầm nên mâu thuẫn vợ chồng càng trầm trọng. Bản thân anh D không muốn ly hôn nhưng anh đã tìm mọi biện pháp hòa giải với chị H, tuy nhiên chị H cương quyết không đồng ý đoàn tụ. Do đó, nay chị H yêu cầu ly hôn, anh đồng ý.

Về con chung: Anh D và chị H có hai con chung là Bùi Bảo N, sinh ngày: 15/5/2018 và Bùi Khánh M, sinh ngày: 28/6/2021. Hiện cháu M đang sống với chị H, cháu N sống cùng anh D. Khi ly hôn, anh đồng ý giao một con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng một con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không tranh chấp không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung, nợ riêng: Vợ chồng không có nợ chung, nợ riêng.

Tại biên bản xác minh ngày 09/7/2024, đại diện Ban điều hành khu phố 1, phường T cung cấp: Chị H, anh D và các con sinh sống tại Tổ 4, khu phố 1, phường T, Thành phố B, tỉnh Bình Dương. Về tình trạng hôn nhân của anh D, chị H thì địa phương không biết rõ vì thời gian sinh sống tại đây địa phương không nhận được đơn trình báo của gia đình anh D, chị H.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Bến Cát phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng. Nguyên đơn, bị đơn có đơn xin vắng mặt, đề nghị HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn và bị đơn.

Về việc giải quyết tranh chấp: Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện ly hôn của nguyên đơn và bị đơn; giao con chung là Bùi Khánh M, sinh ngày: 28/6/2021 cho chị H tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng; giao con chung là Bùi Bảo N, sinh ngày: 15/5/2018 cho anh D tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Chị H, anh D không cấp dưỡng nuôi con do không yêu cầu; về tài sản chung: không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa tuy nhiên có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Chị H và anh D có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, Thành phố T, tỉnh Bình Dương và được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 27, ngày 29/8/2017. Việc đăng ký kết hôn hoàn toàn tự nguyện, đảm bảo điều kiện kết hôn theo Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó xác định hôn nhân giữa bà chị H và anh D là hôn nhân hợp pháp.

Hội đồng xét xử xét thấy, quá trình chung sống, giữa anh D và chị H phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong lối sống và sinh hoạt. Từ năm 2021 anh D và chị H đã không còn chung sống. Bản thân anh D, chị H cũng như gia đình hai bên đã hòa giải đoàn tụ nhiều lần nhưng anh chị không thể về hàn gắn, đoàn tụ được. Như vậy đủ căn cứ xác định mâu thuẫn giữa chị H và anh D đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, ghi nhận sự tự nguyện ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Bùi Mạnh D.

[3] Về con chung: Chị H và anh D có 02 con chung là Bùi Bảo N, sinh ngày: 15/5/2018 và Bùi Khánh M, sinh ngày: 28/6/2021. Cháu N hiện sống cùng với anh D, cháu M sống với chị H. Chị H có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con, anh D yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng một con chung và đồng ý giao một con chung cho chị H nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy, từ năm 2021 đến nay con chung là cháu M do chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; cháu N do anh D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Do đó, việc tiếp tục

giao cháu N cho D, giao cháu M cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp, đảm bảo điều kiện sống và phát triển ổn định của các cháu.

[4] Về tài sản chung: Đương sự không tranh chấp nên không giải quyết.

[5] Về nghĩa vụ tài sản: Chị H, anh D khai không có nợ chung, nợ riêng, không đề nghị xem xét nên không giải quyết.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị H phải chịu án phí đối với yêu cầu ly hôn theo quy định.

[7] Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

[8] Đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228, Điều 235 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Các Điều 51, 55, 71, 81, 82, 83, 84, 118 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị H, về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” với bị đơn anh Bùi Mạnh D.

1. Về hôn nhân: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Bùi Mạnh D.

Quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị H và anh Bùi Mạnh D chấm dứt kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung là cháu Bùi Bảo N, sinh ngày: 15/5/2018 cho anh D tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục... Giao con chung là Bùi Khánh M, sinh ngày: 28/6/2021 cho chị H tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục... Chị H, anh D không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản: Chị H, anh D không tranh chấp nên không giải quyết.

4. Về nghĩa vụ tài sản: Chị H, anh D khai không có, không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được khấu trừ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số: 0001059 ngày 25/4/2024 của Chi cục Thi

hành án dân sự thị xã Bến Cát (nay là thành phố Bến Cát), tỉnh Bình Dương. Chi H đã nộp đủ án phí.

6. Nguyên đơn, bị đơn được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Bản án được cấp, tổng đạt hoặc được niêm yết theo quy định.

7. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 482 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự (hợp nhất số: 32/VBHN-VPQH ngày 07/12/2020).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSNDTp. Bến Cát;
- Chi cục THADSTp. Bến Cát;
- UBND phường P, Tp. T,
T. Bình Dương; số 27 ngày 29/8/2017 (khi có
hiệu lực);
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thúy Nga